

Số: /QĐ-UBND

Quỳ Hợp, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn huyện Quỳ Hợp

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật thi đua khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy
định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua khen thưởng.

Căn cứ Thông tư số 01/T2024/TT-BNV ngày 24/2/2024 của Bộ Nội vụ quy
định biện pháp thi hành Luật Thi đua khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-
CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của
Luật Thi đua khen thưởng.

Căn cứ Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của UBND tỉnh
Nghệ An về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy
và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc
thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên
địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, chấm điểm,
xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn huyện Quỳ Hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết
định số 04/2021/QĐ/UBND ngày 12/04/2021 của UBND huyện Quỳ Hợp về việc
ban Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn huyện
Quỳ Hợp; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 về việc sửa đổi Phụ
lục chấm điểm trong Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm

trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp; Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 28/11/2023 Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại trong Quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn huyện Quỳnh Hợp;

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng các Phòng chuyên môn Ủy ban nhân dân huyện; Thủ trưởng các ban, ngành cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban ĐKT Tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Tùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỖ HỢP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm trên địa bàn huyện Quỳ Hợp

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân huyện Quỳ Hợp)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua hàng năm đối với các Ban Đảng, Ủy ban Kiểm tra và Văn phòng Huyện ủy (sau đây gọi tắt là các Ban Đảng Huyện ủy); Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; các phòng, ban, ngành cấp huyện; các xã, thị trấn; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Ban Đảng Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện.
2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện.
3. Các xã, thị trấn.
4. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm nhằm xác định mức độ phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong huyện.
2. Căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua hàng năm để Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện có hình thức khen thưởng và đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng kịp thời cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhằm động viên tinh thần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tạo động lực thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện Quỳ Hợp.

3. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đánh giá chính xác từng nhiệm vụ, công việc được triển khai thực hiện trong năm. Phân tích tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề ra các giải pháp thực hiện trong năm tiếp theo.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại thi đua

1. Đánh giá, xếp loại thi đua trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, khách quan,

công khai, công bằng, kịp thời, đoàn kết, phối hợp cùng tiến bộ.

2. Các căn cứ đánh giá, xếp loại chủ yếu dựa vào mức độ hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch đề ra của các cơ quan, đơn vị, địa phương và chỉ tiêu, nhiệm vụ của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện giao; việc tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động và công tác khen thưởng.

3. Số lượng các đơn vị đạt loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ không vượt quá 20% tổng số các đơn vị được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Bảng tiêu chí tự chấm điểm, xếp loại thi đua

1. Tiêu chí áp dụng đối với các Ban Đảng Huyện ủy (Phụ lục 01 kèm theo).
2. Tiêu chí áp dụng đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện (Phụ lục 02 kèm theo).
3. Tiêu chí áp dụng đối với các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện (Phụ lục 03 kèm theo).
4. Tiêu chí áp dụng đối với các xã, thị trấn (Phụ lục 04 kèm theo).
5. Tiêu chí áp dụng đối với các đơn vị trường học thuộc huyện (Phụ lục 05, 06 kèm theo).

Điều 6. Bảng chấm điểm chéo và xếp loại

1. Bảng điểm các Ban Đảng của Huyện ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp huyện; các phòng, ban, ngành cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp cấp huyện chấm chéo cho các xã, thị trấn (Phụ lục 07).
2. Bảng điểm dùng cho các xã, thị trấn chấm chéo cho các Ban Đảng và Văn phòng Huyện ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; các phòng, ban, ngành cấp huyện; các đơn vị sự nghiệp cấp huyện (Phụ lục 08).
3. Bảng điểm dùng cho các phòng, đơn vị liên quan chấm chéo cho các trường học thuộc huyện (Phụ lục 09, Phụ lục 10).

Điều 7. Cách tính điểm

1. Thang điểm tối đa cho hệ thống tiêu chí tự chấm và chấm chéo là 100 điểm. Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch nếu hoàn thành 100% là đạt điểm chuẩn. Cụm trưởng, Cụm phó và các đơn vị trong Cụm đánh giá, thảo luận và thống nhất điểm thưởng và điểm trừ.

2. Điểm thưởng và cách tính điểm.

a) Điểm thưởng do vượt kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu được giao và thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực phụ trách: Các nhiệm vụ, chỉ

tiêu kế hoạch cứ vượt 1% được cộng thêm 0,1 điểm nhưng tổng số điểm thưởng không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

b) Thưởng điểm mới, nổi bật, sáng tạo:

- Đối với các cơ quan, đơn vị cấp huyện và xã thị trấn: được cộng thêm từ 01 đến 05 điểm.

- Đối với các đơn vị trường học thuộc huyện:

+ Trường đạt chuẩn quốc gia: cộng 5 điểm.

+ Trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 2 trở lên: Cộng 3 điểm.

+ Trường được xếp loại xuất sắc về phong trào Xanh - Sạch – Đẹp: Cộng 2 điểm.

+ Trường có học sinh giỏi cấp tỉnh, giáo viên giỏi cấp tỉnh; có học sinh, giáo viên đạt giải (nhất, nhì, ba) các cuộc thi cấp huyện: cộng 2 điểm/lượt, nhưng tổng điểm cộng không quá 10 điểm.

c) Tổng điểm thưởng quy định tại Điểm a, Điểm b, Khoản 2, Điều này không vượt quá 10 điểm.

3. Điểm trừ và cách tính điểm:

a) Các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch cứ giảm 1% bị trừ 0,1 điểm nhưng tổng số điểm trừ không vượt quá 10% so với điểm chuẩn của tiêu chí đó.

b) Trong năm xếp loại, nếu đơn vị hoặc Thủ trưởng đơn vị có đơn thư, khiếu nại tố cáo hoặc có vấn đề nổi cộm mà cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm, thì tùy vào mức độ sẽ bị trừ từ 01 đến 10 điểm, hoặc hạ một bậc xếp loại.

c) Đơn vị vi phạm các quy định về công tác thi đua, khen thưởng bị trừ 01 đến 02 điểm.

d) Các Cụm thi đua tổ chức tổng kết chậm (trừ trường hợp khách quan được Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện đồng ý) thì cứ chậm 01 ngày sẽ bị trừ 0,5 điểm đối với đơn vị làm Cụm trưởng, và Cụm phó (nhưng tối đa không trừ quá 03 điểm).

Nếu Cụm, Khối thi đua nào thực hiện không đúng tỷ lệ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện sẽ xem xét, hạ loại đơn vị làm Cụm trưởng và trừ điểm đơn vị làm Cụm phó trong năm.

4. Điểm ưu tiên và cách tính điểm.

Đối với các xã vùng cao khó khăn (Nam Sơn, Bắc Sơn, Châu Lý, Châu Thái, Châu Thành, Châu Hồng, Châu Tiến, Châu Cường, Liên Hợp, Châu Lộc, Hạ Sơn, Văn Lợi, Châu Đình, Yên Hợp) mỗi đơn vị được cộng thêm 03 điểm nhưng không vượt quá tổng 10 điểm kể cả điểm thưởng.

Điều 8. Quy trình đánh giá, xếp loại

1. Tự đánh giá, xếp loại: Đầu tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm để tự đánh giá, chấm

điểm và tự xếp loại cơ quan, đơn vị, địa phương mình theo bảng tiêu chí và thang điểm tại quy định này. Đối với các trường học thuộc huyện tự đánh giá, xếp loại theo năm học.

2. Đánh giá, xếp loại chéo: Các Ban Đảng và Văn phòng Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các đoàn thể cấp huyện, các phòng, ban, ngành cấp huyện (gọi tắt là ngành), căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành quản lý để đánh giá, chấm điểm, xếp loại đối với các xã, thị trấn. Ngược lại, các xã, thị trấn căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các lĩnh vực liên quan đến các ngành để đánh giá, chấm điểm, xếp loại các ngành (*Việc chấm điểm, xếp loại đảm bảo tỷ lệ không quá 20% số đơn vị HTXSNV lên trên tổng số các đơn vị HTTNV: Điểm chấm HTXSNV tương ứng từ 90 điểm trở lên*)

Hàng năm, các ngành triển khai nhiệm vụ đối với lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ ngành mình phụ trách, xây dựng tiêu chí để chấm điểm cho các xã, thị trấn đối với lĩnh vực liên quan. Đối với các xã, thị trấn thông qua ngành liên quan, xây dựng hệ thống tiêu chí để đánh giá, xếp loại ngành. Ngành và xã, thị trấn phối hợp, thống nhất bảng tiêu chí chấm chéo.

3. Đánh giá, chấm điểm và xếp loại tại Cụm, Khôi thi đua:

Trước ngày 15/11 hàng năm đơn vị làm Cụm trưởng chủ trì, phối hợp với Cụm phó và các đơn vị trong Cụm thi đua tổ chức họp tổng kết năm để đánh giá, chấm điểm và xếp loại các đơn vị. Việc đánh giá, xếp loại ở Cụm thi đua phải dựa trên cơ sở chấm điểm của Cụm. Đối với các Cụm thi đua khi xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà có số dư thì thực hiện theo nguyên tắc làm tròn số.

Các đơn vị thuộc ngành Giáo dục và Đào tạo huyện tiến hành tổng kết, đánh giá theo năm học.

4. Đánh giá, xếp loại cấp huyện:

a) Bước 1: Phòng Nội vụ tổng hợp, dự kiến xếp loại và trình Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện cho ý kiến nhận xét, đánh giá;

b) Bước 2: Sau khi có ý kiến của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, phòng Nội vụ tổng hợp, dự kiến xếp loại và trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện xem xét, quyết định.

5. Kết quả xếp loại cuối cùng của các cơ quan, đơn vị:

a) Kết quả xếp loại cuối cùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương được tính bằng tỷ lệ phiếu bầu của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện;

b) Trong trường hợp tỷ lệ phiếu bầu của các thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện bằng nhau thì việc lựa chọn đơn vị nào do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện quyết định.

Điều 9. Xếp loại chất lượng

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Các đơn vị đạt từ 90 điểm trở lên của điểm tự chấm, điểm chấm chéo mà không có tiêu chí nào đạt dưới 85% (Riêng đối với các đơn vị trường học: tại mục V của phụ lục 05, mục V và mục VI của phụ lục 06 điểm chấm không dưới 50%) điểm tối đa của tiêu chí đó, đồng thời được Cụm thi đua suy tôn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được trên 50% số các cơ quan mà phòng Nội vụ xin ý kiến đánh giá xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (bao gồm cả Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện) và không có đơn vị trực thuộc hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện.

Trường hợp đơn vị không được Cụm suy tôn Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nhưng được trên 50% số Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện đề nghị đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì do Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện quyết định.

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Các đơn vị đạt từ 80 đến dưới 90 điểm của điểm tự chấm, điểm chấm chéo mà không có tiêu chí nào đạt dưới 80% số điểm tối đa của tiêu chí đó thì được đưa vào diện xem xét, bỏ phiếu xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Hoàn thành nhiệm vụ: Các đơn vị đạt từ 70 đến dưới 80 điểm của điểm tự chấm, điểm chấm chéo và không có quá 3 tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa của tiêu chí đó.

4. Không hoàn thành nhiệm vụ: Các đơn vị đạt dưới 70 điểm.

5. Xã, thị trấn được xếp loại có thành tích xuất sắc trong giáo dục nếu đạt được các tiêu chí sau:

a) Có 100% đơn vị trường học trên địa bàn xã (thị trấn) được xếp loại Tốt trở lên; riêng đối với các xã vùng khó khăn có 2/3 đơn vị trường học xếp loại tốt trở lên và không có đơn vị nào xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho các đơn vị trường học từ nguồn kinh phí của địa phương có giá trị từ:

- 150 triệu đồng trở lên đối với các xã, thị vùng thuận lợi
- 100 triệu đồng trở lên đối với xã ở vùng khó khăn”

c) Trung tâm học tập cộng đồng của xã được xếp loại tốt trở lên.

d) Thực hiện tốt kế hoạch phát triển giáo dục.

6. Xét thi đua đối với các đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức sinh con thứ 3 trở lên:

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức sinh con thứ 3 trở lên do nếu thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá gia đình sẽ gây ảnh

hưởng đến sức khoẻ thai sản (có xác nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) trừ 02 điểm; thực hiện xếp loại thi đua và bình xét khen thưởng theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có Công chức, Viên chức vi phạm Chính sách Dân số - KHHGD trừ 03 điểm; thực hiện xếp loại thi đua nhưng không bình xét khen thưởng.

Chương III

THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN XÉT XẾP LOẠI THI ĐUA

Điều 10. Thủ tục, hồ sơ

1. Hồ sơ xếp loại thi đua của các đơn vị gửi về phòng Nội vụ gồm:
 - a) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua.
 - b) Bảng tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại,
 - c) Bảng điểm chấm chéo cho các đơn vị liên quan.
2. Hồ sơ xếp loại thi đua của các cụm thi đua gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện gồm:
 - a) Báo cáo tổng kết phong trào thi đua.
 - b) Bảng chấm điểm và xếp loại cho các đơn vị trong cụm thi đua;
 - c) Trích biên bản họp của Cụm, Khối thi đua.
3. Hồ sơ phòng Nội vụ gửi Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện:
 - a) Bảng tổng hợp các tiêu chí và dự kiến xếp loại.
 - b) Các văn bản cho ý kiến đánh giá, xếp loại của các cơ quan liên quan.
4. Hồ sơ phòng Nội vụ gửi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện:
 - a) Bảng tổng hợp các tiêu chí và dự kiến xếp loại.
 - b) Các văn bản cho ý kiến đánh giá, xếp loại của các cơ quan liên quan.
 - c) Kết quả đánh giá, xếp loại của Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện.

Điều 11. Thời gian nộp hồ sơ xếp loại thi đua

Các đơn vị và cụm, khối thi đua nộp hồ sơ xếp loại thi đua về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện trước ngày 15/11 hàng năm (số liệu báo cáo đến ngày 31/10 hàng năm, hai tháng cuối năm ước tính). Đối với các trường học gửi trước ngày 15/6 hàng năm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Hướng dẫn, triển khai thực hiện

1. Giao phòng Nội vụ huyện hướng dẫn, đôn đốc và triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề cần điều chỉnh, sửa đổi, các đơn vị phản ánh về phòng Nội vụ huyện để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Tùng

Phụ lục 01

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC BAN ĐẢNG HUYỆN ỦY**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao		50	
1	Tham mưu cho Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy về các nhiệm vụ được giao		20	
2	Lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết, Quy định của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công		15	
3	Lãnh đạo xây dựng tổ chức Đảng, Chuyên môn, Đoàn thể trong cơ quan		15	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		30	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		7	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các văn bản liên quan		7	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		7	
4	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh liên quan		3	
5	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		2	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		2	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua		5	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"		2	

IV	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT		5	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
V	Điểm thưởng, điểm trừ		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

Quỳ Hợp, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 02

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ CẤP HUYỆN; TỔ CHỨC
CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao		50	
1	Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao		15	
2	Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước và các quy định của huyện		15	
3	Tổ chức tham gia các phong trào, các cuộc vận động, các chương trình trên địa bàn huyện		10	
4	Công tác tham gia xây dựng văn bản quy phạm Pháp luật, giám sát, phản biện xã hội		10	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		30	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước		7	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các văn bản liên quan		7	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		7	
4	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh liên quan		3	
5	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		2	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		2	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua		5	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
IV	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT		5	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
V	Điểm thưởng, điểm trừ		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

Quy Hợp, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 03

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao		40	
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ do Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện giao		20	
2	Tham mưu kịp thời, chất lượng, có hiệu quả cho Huyện ủy, HĐND huyện, UBND huyện ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành.		15	
3	Xây dựng và thực hiện các Chương trình hành động, kế hoạch công tác năm		5	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		40	
1	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		10	
2	Thực hiện công tác cải cách hành chính		10	
3	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		6	
4	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.		4	
5	Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, Kế hoạch, Chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh liên quan		3	
6	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
7	Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân; giải quyết tốt đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân		2	
8	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua		5	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
IV	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT		5	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
V	Điểm thưởng, điểm trừ		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
*	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

Quý Hợp, ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 04
BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao		55	
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP):		9	
a)	Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
b)	Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
c)	Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng	Nêu giá trị và % đạt được so KH	3	
2	Thu ngân sách	Nêu giá trị và % đạt được so KH	5	
3	Bình quân thu nhập đầu người/năm	Nêu kết quả so sánh năm trước	3	
4	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	Tỷ lệ giảm được %	6	
5	Lao động và xã hội		5	
a)	Số lao động được giải quyết việc làm	Số lượng, tỷ lệ đạt so KH	3	
b)	Chăm lo gia đình chính sách, người có công và thực hiện chính sách xã hội		2	
6	Giáo dục và Đào tạo		7	
a)	Huy động trẻ dưới 5 tuổi vào mầm non	Đạt % so KH	2	
b)	Huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1	Đạt % so KH	2	
c)	Số trường chuẩn Quốc gia	Số lượng đạt % so	3	
7	Y tế		6	
a)	Giảm tỷ suất sinh	Thực hiện/Kế hoạch	2	
b)	Tỷ lệ người sinh con thứ 3 trở lên	Thực hiện/Kế hoạch	2	
c)	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	Thực hiện/Kế hoạch	2	
8	Văn hóa		5	
a)	Tỷ lệ gia đình văn hóa	Đạt % so KH	3	
b)	Tỷ lệ Khối, xóm, bản có thiết chế Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn quốc gia	Đạt % so KH	2	
9	Quốc phòng - An ninh		5	
10	Thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới		4	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		25	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước		5	
2	Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản liên quan.		5	
3	Thực hiện công tác cải cách hành chính		5	
4	Thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và công tác cán bộ		3	
5	Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra		3	
6	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở và công tác tiếp dân		2	
7	Công tác xây dựng Đảng, các tổ chức đoàn thể, quần chúng.		2	
III	Tổ chức triển khai và thực hiện phong trào thi đua		5	
1	Có Phong trào thi đua điển hình của đơn vị		3	
2	Thực hiện các Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”		2	
IV	Tổ chức, triển khai thực hiện công tác TĐKT		5	
1	Thực hiện Luật TĐKT và các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm		2	
2	Công tác bồi dưỡng, xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định		1	
V	Điểm thưởng, điểm trừ		≤ 10	
1	Điểm thưởng (không quá 10 điểm)			
2	Điểm trừ			
	Tổng cộng:		100	
*	Tự nhận loại:			

Quý Hợp, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH UBND XÃ (THỊ TRẤN)
 (Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 05

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC TRƯỜNG MẦM NON**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn		60	
1	Quy hoạch trường lớp, thực hiện kế hoạch phát triển, duy trì sĩ số học sinh		4	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học, tạo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp		5	
3	Thực hiện Kế hoạch năm học, nền nếp chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá		6	
4	Công tác đúc rút sáng kiến kinh nghiệm, phong trào làm đồ dùng dạy học. Công tác bồi dưỡng thường xuyên, chất lượng đội ngũ		5	
5	Công tác tổ chức cán bộ. Thực hiện quy chế dân chủ, Điều lệ trường học		4	
6	Chất lượng giáo dục học sinh		20	
7	Công tác xã hội hóa giáo dục, y tế học đường, bảo hiểm giáo viên và học sinh		4	
8	Công tác tài chính, thực hiện chế độ chính sách		6	
9	Công tác quản lý; thực hiện các nội dung “trường học thân thiện, học sinh tích cực”		6	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ chính trị tại địa phương		5	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.		1	
2	Xây dựng Chương trình hành động và thực hiện tốt Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		1	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
3	Quan tâm làm tốt công tác Đảng, củng cố các tổ chức Đoàn thể, quần chúng.		1	
4	Phối hợp, tham gia tốt các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ do địa phương giao		2	
III	Thực hiện công tác tổ chức, cán bộ; chế độ chính sách; Thi đua - Khen thưởng		12	
1	Quản lý, khai thác, bổ sung hồ sơ kịp thời, đầy đủ		2	
2	Các chế độ, chính sách chi trả đầy đủ, kịp thời		2	
3	Thực hiện chế độ báo cáo chính xác, đầy đủ đúng quy định.		2	
4	Cán bộ, viên chức, nhân viên chấp hành nghiêm túc việc điều động, chuyển công tác của Ủy ban nhân dân huyện		2	
5	Nội bộ đoàn kết; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ, viên chức, nhân viên nhà trường		1	
6	Không có cán bộ, viên chức, nhân viên vi phạm kỷ luật và các tệ nạn xã hội		1	
7	Chấp hành tốt Quy chế cơ quan; Chỉ thị 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính		1	
8	Thực hiện tốt việc đăng ký thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề; tốt chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định. Tham mưu phối hợp tổ chức tốt các phong trào thi đua do các cấp phát động, tiến hành sơ tổng kết theo quy định; thực hiện tốt việc xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến		1	
IV	Thực hiện công tác tài chính, kế toán		8	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
1	Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm (Mẫu biểu, số liệu)		2	
2	Hệ thống chứng từ, sổ sách đầy đủ, đúng quy định		2	
3	Chấp hành tốt báo cáo quyết toán và lịch thẩm tra, quyết toán hàng năm		2	
4	Không vi phạm chuyên môn trong công tác tài chính, kế toán		2	
V	Thực hiện sự phối hợp với Công đoàn		5	
1	Thực hiện tốt quy chế dân chủ, đoàn kết nội bộ		1	
2	Đảm bảo các quyền lợi ích chính đáng đoàn viên		1	
3	Tổ chức các Phong trào thi đua có hiệu quả, triển khai đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động do LĐLĐ tổ chức		1	
4	Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa LĐLĐ huyện với phòng GDDT		1	
5	Thực hiện nghiêm thông tư 08 về giảm tiết cho CBCĐ bán chuyên trách		1	
VI	Điểm thưởng, điểm trừ			
	Điểm thưởng (Không quá 10 điểm)			
1	1.1. Trường đạt chuẩn quốc gia: cộng 5 điểm.		5	
	1.2. Trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 2 trở lên: cộng 3 điểm		3	
	1.3. Trường được xếp loại xuất sắc về phòng trào Xanh-Sạch-Đẹp: cộng 2 điểm		2	
	1.4. Trường có học sinh, giáo viên đạt trong các cuộc thi do cấp tỉnh trở lên tổ chức; trường được xếp đạt giải (nhất, nhì, ba) các cuộc thi cấp huyện tổ chức: cộng 2 điểm/ lượt, nhưng tổng điểm cộng kể cả mục 1.1 và 1.2 không quá 10			
2	Điểm trừ			
	Trường không đạt trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch.		2	
	Tổng cộng:		100	

Quy Hợp, ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 06

**BẢNG TIÊU CHÍ TỰ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA
CỦA CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS THUỘC HUYỆN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND huyện)

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
I	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn		60	
1	Quy hoạch trường lớp, thực hiện kế hoạch phát triển, duy trì sĩ số học sinh		4	
2	Xây dựng cơ sở vật chất trường học, tạo môi trường Xanh - Sạch - Đẹp		5	
3	Thực hiện Kế hoạch năm học, nền nếp chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá		6	
4	Công tác đúc rút sáng kiến kinh nghiệm, phong trào làm đồ dùng dạy học. Công tác bồi dưỡng thường xuyên, chất lượng đội ngũ		5	
5	Công tác tổ chức cán bộ. Thực hiện quy chế dân chủ, Điều lệ trường học		4	
6	Chất lượng giáo dục học sinh		20	
7	Công tác xã hội hóa giáo dục, y tế học đường, bảo hiểm giáo viên và học sinh		4	
8	Công tác tài chính, thực hiện chế độ chính sách		6	
9	Công tác quản lý; thực hiện các nội dung “trường học thân thiện, học sinh tích cực”		6	
II	Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ chính trị tại địa phương		5	
1	Tổ chức quán triệt và thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.		1	
2	Xây dựng Chương trình hành động và thực hiện tốt Luật phòng chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		1	
3	Quan tâm làm tốt công tác Đảng, củng cố các tổ chức Đoàn thể, quần chúng.		1	
4	Phối hợp, tham gia tốt các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; hoàn thành		2	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
	tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ do địa phương giao			
III	Thực hiện công tác tổ chức cán bộ, chế độ chính sách; công tác Thi đua - Khen thưởng		9	
1	Quản lý, khai thác, bổ sung hồ sơ kịp thời, đầy đủ		1.5	
2	Các chế độ, chính sách chi trả đầy đủ, kịp thời		1.5	
3	Thực hiện chế độ báo cáo chính xác, đầy đủ đúng quy định.		1	
4	Cán bộ, viên chức, nhân viên chấp hành nghiêm túc việc điều động, chuyển công tác của Ủy ban nhân dân huyện		1	
5	Nội bộ đoàn kết; không có đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến cán bộ, viên chức, nhân viên nhà trường		1	
6	Không có cán bộ, viên chức, nhân viên vi phạm kỷ luật và các tệ nạn xã hội		1	
7	Chấp hành tốt quy chế cơ quan; Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 03/12/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 06/4/2013 của UBND tỉnh; Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp		1	
8	Thực hiện tốt việc đăng ký thi đua thường xuyên, thi đua theo chuyên đề; tốt chế độ báo cáo, quy trình, thủ tục hồ sơ khen thưởng và thời gian quy định. Tham mưu phối hợp tổ chức tốt các phong trào thi đua do các cấp phát động, tiến hành sơ tổng kết theo quy định; thực hiện tốt việc xây dựng, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến		1	
IV	Thực hiện công tác tài chính, kế toán		6	
1	Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm (Mẫu biểu, số liệu)		2	
2	Hệ thống chứng từ, sổ sách đầy đủ, đúng quy định		2	
3	Chấp hành tốt báo cáo quyết toán và lịch thẩm tra, quyết toán hàng năm		1	
4	Không vi phạm chuyên môn trong công tác tài chính, kế toán		1	

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
V	Thực hiện sự phối hợp với Công đoàn		5	
1	Thực hiện tốt quy chế dân chủ, đoàn kết nội bộ		1	
2	Đảm bảo các quyền lợi ích chính đáng đoàn viên		1	
3	Tổ chức các Phong trào thi đua có hiệu quả, triển khai đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động do LĐLĐ tổ chức		1	
4	Thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa LĐLĐ huyện với phòng GDDT		1	
5	Thực hiện nghiêm thông tư 08 về giảm tiết cho CBCĐ bán chuyên trách		1	
VI	Công tác Đội và phong trào Thiếu nhi trong nhà trường		5	
1	Thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu năm học		1	
2	Thực hiện tốt các nội dung trong phong trào thiếu nhi Việt Nam thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy (Gồm 5 phong trào hoạt động)		2	
3	Công tác xây dựng Đội vững mạnh: Tổ chức Đại hội Liên đội, kết nạp Đội viên, Đoàn viên đảm bảo đúng điều lệ; Tập huấn cho đội ngũ BCH Đội, Phụ trách sao Công tác bảo vệ, chăm sóc thiếu niên, nhi đồng, đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em		1	
4	Công tác thông tin, báo cáo đầy đủ, kịp thời theo quy định; Điểm thưởng (Đăng cai hoạt động; Có mô hình sáng tạo; Đạt giải trong các cuộc thi do Đoàn, Đội tổ chức		1	
VII	Điểm thưởng, điểm trừ			
	Điểm thưởng (Không quá 10 điểm)			
	1.1. Trường đạt chuẩn quốc gia: cộng 5 điểm.		5	
	1.2. Trường được công nhận kiểm định chất lượng cấp độ 2 trở lên: cộng 3 điểm		3	
1	1.3. Trường được xếp loại xuất sắc về phong trào Xanh-Sạch-Đẹp: cộng 2 điểm		2	
	1.4. Trường có học sinh, giáo viên đạt trong các cuộc thi do cấp tỉnh trở lên tổ chức; trường được xếp đạt giải (nhất, nhì, ba) các cuộc thi cấp huyện tổ chức: cộng 2 điểm/ lượt, nhưng tổng điểm cộng kể cả mục 1.1 và 1.2 không quá 10			

TT	Nhóm tiêu chí	Kết quả thực hiện	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm
2	Điểm trừ			
	Trường không đạt trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch.		2	
	Tổng cộng:		100	

Quý Họp, ngày tháng năm
HIỆU TRƯỞNG
 (Ký tên, đóng dấu)

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Châu Tiên	Châu Hồng	Châu Thành	Châu Cường	Châu Quang	Châu Thái	Châu Lý	Bắc Sơn	Nam Sơn	Châu Đình	Văn Lợi	Hạ Sơn	Thị trấn	Thọ Hợp	Châu Lộc	Liên Hợp	Tam Hợp	Đông Hợp	Yên Hợp	Nghĩa Xuân	Minh Hợp	
17	Phòng LĐTBOXH	100																						
18	Phòng VH - TT	100																						
19	Phòng GD - ĐT	100																						
20	Phòng Y tế	100																						
21	Thanh tra huyện	100																						
22	VP HĐND-UBND	100																						
23	Phòng NNPTNT	100																						
24	Phòng Kinh tế - HT	100																						
25	Phòng Dân tộc	100																						
26	Trung tâm VH TTTT	100																						
27	Trung tâm GDNN- GDTX	100																						
28	Trung tâm DVNN	100																						
29	Ban quản lý DADTXD	100																						

Lưu ý: Đơn vị xếp loại Xuất sắc (90 điểm trở lên) bằng 20% trên tổng số đơn vị được xếp loại Tốt (từ 80 đến < 90 điểm).

Quy Hợp, ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Châu Tiên	Châu Hồng	Châu Thành	Châu Cường	Châu Quang	Châu Thái	Châu Lý	Bắc Sơn	Nam Sơn	Châu Đình	Văn Lợi	Hạ Sơn	Thị trấn	Thọ Hợp	Châu Lộc	Liên Hợp	Tam Hợp	Đồng Hợp	Yên Hợp	Nghĩa Xuân	Minh Hợp
5	Phòng LĐTBXH	100																					
6	Phòng VH - TT	100																					
7	Phòng GD - ĐT	100																					
8	Phòng Y tế	100																					
9	Thanh tra huyện	100																					
10	VP HĐND-UBND	100																					
11	Phòng NNPTNT	100																					
12	Phòng Kinh tế - HT	100																					
13	Phòng Dân tộc	100																					
IV	Các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện																						
1	Trung tâm VH-TTTT	100																					
2	Trung tâm GDNN-GDTX	100																					
3	Trung tâm DVNN	100																					
4	Ban quản lý DAĐTXD	100																					
5	Trung tâm Chính trị	100																					

Lưu ý: Đơn vị xếp loại Xuất sắc (90 điểm trở lên) bằng 20% trên tổng số đơn vị được xếp loại Tốt (từ 80 đến < 90 điểm) theo từng nhóm đơn vị.

Quy Hợp, ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ (THỊ)
(Ký tên, đóng dấu)

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm của các phòng, đơn vị liên quan											
			Điểm địa phương chấm		Phòng GD&ĐT		Phòng Nội vụ		Phòng TC-KH		LĐLĐ huyện		Điểm thưởng	
			Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm
			5		60		12		8		5		10	
19	MN Đồng Hợp	100												
20	MN Yên Hợp	100												
21	MN Nghĩa Xuân	100												
22	MN Minh Hợp	100												
23	MN Xuân Thành	100												
24	MN Mặt trời	100												

Lưu ý: Đơn vị xếp loại Xuất sắc (90 điểm trở lên) bằng 20% trên tổng số đơn vị được xếp loại Tốt (từ 80 đến < 90 điểm)

Quỳ Hợp, ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TT	Tên đơn vị	Điểm chuẩn	Điểm chấm của các phòng, đơn vị liên quan													
			Phòng GD&ĐT		Địa phương chấm		Phòng Nội vụ		Phòng TC-KH		Huyện đoàn		LĐLĐ huyện		Điểm thưởng	
			Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	Điểm chấm	Điểm chuẩn	điểm chấm
			60		5		9		6		5		5		10	
20	TH Yên Hợp	100														
21	TH Nghĩa Xuân	100														
22	TH Minh Hợp	100														
III	Khối Trung học cơ sở															
1	PTDTBT THCS Hồng Tiến	100														
2	PTDTBT THCS Châu Thành	100														
3	THCS Châu Cường	100														
4	THCS Châu Quang	100														
5	THCS Châu Thái	100														
6	PTDTBT THCS Châu Lý	100														
7	THCS Châu Đình	100														
8	THCS Văn Sơn	100														
9	THCS Thị trấn	100														
10	PTDTBT THCS Châu Lộc	100														
11	THCS Tam Hợp	100														
12	THCS Đồng Hợp	100														
13	THCS Yên Hợp	100														
14	THCS Nghĩa Xuân	100														
15	THCS Minh Hợp	100														
16	PTDTNT THCS Quỳnh Hợp	100														

Lưu ý: Đơn vị xếp loại Xuất sắc (90 điểm trở lên) bằng 20% trên tổng số đơn vị được xếp loại Tốt (từ 80 đến < 90 điểm) theo từng bậc học.

Quỳnh Hợp, ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ